

Bản án số: 658/2018/DS-ST
Ngày: 28/11/2018
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Hiệp;
2. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 389/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 489/2018/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 224/2018/QĐST-DS ngày 06 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT

Địa chỉ trụ sở: số 266-268 đường NKKN, Phường T, Quận B, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Trần Đức T (*vắng mặt*)

(Theo Giấy ủy quyền số 583/2018/UQ-TTT ngày 07 tháng 5 năm 2018)

2. Bị đơn: ông Trần Minh T – sinh năm: 1976 (*vắng mặt*)

Thường trú: số 57 đường SM, Phường M, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cư trú: 201A chung cư 336/24 đường NVL, Phường MH, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/5/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT(từ đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Trần Đức T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

- Ngày 02/11/2012, ông Trần Minh T ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng nhằm đề nghị Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT cấp thẻ tín dụng với hạn mức 57/60 triệu đồng. Sau khi xem xét, Ngân hàng đã cấp cho ông T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), mục đích tiêu dùng cá nhân, phương thức thanh toán thực hiện như thỏa thuận tại Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT. Sau khi được cấp thẻ, ông T đã kích hoạt thẻ và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 43.200.000 đồng; thanh toán được một phần của tổng số tiền nợ (gồm nợ gốc, phí trễ hạn, lãi, phí VHM, phí) là 50.699.687 đồng; sau đó ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc nhắc nhở nhưng ông T không trả nợ. Từ ngày 23/02/2016, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ của ông T sang nợ quá hạn; tính đến ngày 22/3/2018 thì ông T còn nợ Ngân hàng tổng cộng 32.038.934 đồng, gồm số tiền nợ gốc là 16.233.556 đồng, lãi quá hạn là 15.805.378 đồng.

- Ngày 07/5/2018, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 22/3/2018 là 32.038.934 đồng, gồm số tiền nợ gốc là 16.233.556 đồng, lãi quá hạn là 15.805.378 đồng; ngoài ra, ông T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng tiền lãi phát sinh từ ngày 23/3/2018 đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án,

- Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng cho biết tổng số tiền ông T còn nợ Ngân hàng tính đến ngày Tòa tuyên án (ngày 28/11/2018) là 37.132.226 đồng, trong đó bao gồm tiền nợ gốc là 16.233.556 đồng, tổng tiền lãi là 20.898.670 đồng.

- Ông Trần Minh T không đến Tòa làm việc theo triệu tập của Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của ông T. Ngày 06/9/2018, ông Trần Đức T nộp đơn xin vắng mặt với đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi xem xét chứng cứ, hòa giải, làm việc, xét xử, các phiên họp cũng như các quá trình tố tụng khác của Tòa án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt; đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ

phần SGTTLà buộc ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền còn nợ là 37.132.226đồng; thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Ngày 07/5/2018, Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTkhởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến hết ngày 22/3/2018 là 32.038.934đồng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/11/2012 với mục đích tiêu dùng cá nhân. Tại thời điểm Ngân hàng nộp đơn khởi kiện, ông T có địa chỉ tại Quận S. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, đây là vụ án “Tranh chấp về hợp đồng dân sự về vay tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 06 tháng 9 năm 2018, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTLà ông Trần Đức T nộp Đơn xin vắng mặt. Bị đơn là ông T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng đến phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Tòa án đã thông báo cho ông Trần Minh T về việc Tòa án thụ lý vụ kiện và các nội dung mà nguyên đơn yêu cầu cùng với các chứng cứ kèm theo về địa chỉ mà ông T đã cung cấp khi tiến hành giao dịch với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín, tuy nhiên phía ông T không có mặt trong quá trình Tòa án giải quyết cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đồng thời Tòa án cũng không nhận được ý kiến hoặc văn bản của ông T về việc phản đối các tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Theo quy định tại khoản 2 điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 “*Những tình tiết, sự kiện đương sự đưa ra mà đương sự kia thừa nhận hoặc không phản đối thì đương sự đó không phải chứng minh*”. Vì vậy, Tòa án công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTđưa ra có giá trị chứng minh.

- Theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/11/2012 của ông Trần Minh T, Điều khoản và điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTvà lời trình bày của đại diện ngân hàng, cho thấy giao dịch giữa Ngân hàng và ông T là “Hợp đồng vay tài sản”, mức lãi suất hai bên thỏa thuận phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010 của

Ngân hàng nhà nước Việt Nam, do đó hợp đồng có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015 nên có hiệu lực pháp luật.

- Về số tiền ông T còn nợ ngân hàng: Sau khi xem xét toàn bộ hồ sơ đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, Ngân hàng đã cấp cho ông T thẻ tín dụng với hạn mức sử dụng là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng). Sau khi được cấp thẻ, ông T đã kích hoạt thẻ và thực hiện các giao dịch với tổng số tiền gốc là 43.200.000đồng; thanh toán được một phần của tổng số tiền nợ (gồm nợ gốc, phí trễ hạn, lãi, phí VHM, phí) là 50.699.687đồng; sau đó ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến hết ngày 28/11/2018, tổng số tiền ông T còn nợ Ngân hàng là 37.132.226đồng, gồm số tiền nợ gốc là 16.233.556đồng, lãi quá hạn là 20.898.670đồng. Như vậy, phía ông T đã không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký giữa hai bên. Theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự thì ông T phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng nên đã có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và buộc ông T phải thanh toán số tiền còn nợ cho nguyên đơn.

[3] Căn cứ án lệ số 08/2016/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm thì:

“Đối với các khoản tiền vay của tổ chức Ngân hàng, tín dụng, ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”. Do đó, ông Trần Minh T còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn trên phần nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Thương mại cổ phần SGTT thì lãi suất mà ông Trần Minh T phải tiếp tục thanh toán cho Thương mại cổ phần SGTT theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Thương mại cổ phần SGTT.”

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự là 37.132.226đồng x 5% = 1.856.611đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016).

Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng;

Căn cứ Điều 417, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/8/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1/ Buộc ông Trần Minh T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTổng số tiền còn nợ là 37.132.226đồng (ba mươi bảy triệu một trăm ba mươi hai ngàn hai trăm hai mươi sáu đồng) trong đó, số tiền nợ gốc là 16.233.556đồng (mười sáu triệu hai trăm ba mươi ba ngàn năm trăm năm mươi sáu đồng), lãi quá hạn là 20.898.670đồng (hai mươi triệu tám trăm chín mươi tám ngàn sáu trăm bảy mươi đồng) theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 02/11/2012 của ông Trần Minh T.

2/ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Trần Minh T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTkhoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTthì lãi suất mà ông Trần Minh T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTtheo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTT.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Minh T phải nộp án phí là: 1.856.611đồng (một triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn sáu trăm mười một đồng)

- Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTkhông phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần SGTTsố tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 800.974đồng (tám trăm ngàn chín trăm bảy mươi bốn đồng) theo biên lai thu số 0029386 ngày 08/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S.

4/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Hải Quỳnh Anh